

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 13 /2023/DSPT

Ngày 25/4/2023

V/v Tranh chấp tài sản chung và yêu cầu
chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VNAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Ông Trần Khắc Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 16/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định giám đốc thẩm số 53/2022/DS – GĐT ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DSPT ngày 25/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX-PT ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1945, địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm: 1960; Nơi ĐKKHKT: Số 546B Hoàng H Th, phường B, Quận Tây H, T.P H. Chỗ ở hiện nay: P804 – C1A – ECOHOME2, phường Đông Ng, Bắc Từ L, T.P H. (Vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Trần Hậu Đ, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn Thúy H, xã Thạch H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện Thạch H: Ông Lê Văn M – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thạch H; (vắng mặt)

- + Ủy ban nhân dân thị trấn Thạch H, huyện Thạch H: Ông Đặng Hữu Ph – Cán bộ địa chính; (vắng mặt)
- + Anh Vũ X Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H; (có mặt)
- + Chị Nguyễn Thị Huyền L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H; (có mặt)
- + Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: P0804 Tòa C1 A, Ecohome2, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, T.P Hà Nội. (vắng mặt)
- + Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 51, ngõ 282, đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, T.P Hà Nội; (vắng mặt)
- + Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, T.P Hà Nội; (vắng mặt)
- + Bà Nguyễn Bích H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 47 Phạm Văn Đồng, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, T.P Hà Nội; (vắng mặt)
- + Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: địa chỉ: Số 546B Hoàng H Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, T.P Hà Nội. (vắng mặt)
- + Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ 6, phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
- + Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Bích H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Quốc N: Ông Trần Hậu Đ, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn Thúy Hội, xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)
- + Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 4, nhà E1 Tập thể Viện KHXH & NV quốc gia, phường Công Vị, quận Ba Đình, T.P Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- + Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 4, nhà E1 Tập thể Viện KHXH & NV quốc gia, phường Công Vị, quận Ba Đình, T.P Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 2003; địa chỉ: Số 4, nhà E1 Tập thể Viện KHXH & NV quốc gia, phường Công Vị, quận Ba Đình, T.P Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Người làm chứng*
- + Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Số nhà 13, đường Lý Tự Trọng, Tổ dân phố 5, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H. (vắng mặt)
- + Ông Hoàng X V; địa chỉ: Tổ dân phố 4, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H (vắng mặt).
- + Ông Nguyễn Văn B; sinh năm, 1956 địa chỉ: Tổ dân phố 4, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H (vắng mặt).

+ Ông Ngô Văn Th; sinh năm 1945, địa chỉ: Số nhà 84, đường Sông C, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố 4, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H(vắng mặt).

+ Bà Lê Thị H; sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H (vắng mặt).

+ Chị Ngô Thị Gi; sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm Th Tân, xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1957; địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 1 đường Lý Tự Trọng, Tổ dân phố 5, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H (vắng mặt).

+ Anh Đặng Quang H; sinh năm 1959, địa chỉ: Xóm Th Ng, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Đình Ng; sinh năm 1945, địa chỉ: Số nhà 04 ngõ 01 đường Lý Tự Trọng, Tổ dân phố 5, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn Ch có hôn nhân thực tế từ năm 1987 nhưng đến năm 1998 mới tiến hành đăng ký kết hôn. Năm 1994 bà bàn bạc với ông Ch làm đơn xin mua một thửa đất diện tích 130m² với giá 9.600.000 đồng. Sau đó ông bà đã làm nhà và sinh sống trên thửa đất từ đó đến nay. Đến năm 2004 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ch (thuộc thửa đất số 84, số tờ bản đồ 4, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00323QSDD/650 ngày 25/6/2004 của UBND huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh). Ông Nguyễn Văn Ch mất năm 2007 không để lại di chúc. Nay, bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận ½ diện tích thửa đất 84, tờ bản đồ số 4 diện tích 130m² tại tổ dân phố 5, thị trấn Thạch H, huyện Thạch H là của bà X và yêu cầu chia thừa kế ½ phần diện tích đất còn lại và tài sản trên đất là phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ch để lại.

Ngoài đơn khởi kiện, bà X đã cung cấp 2 văn bản viết tay của ông Ch lập ngày 12/01/2006 gửi Ban quy hoạch Thị trấn C và Ban quy hoạch huyện Thạch H với nội dung: “*Tên tôi là Nguyễn Văn Ch; 77 tuổi; hiện ở khối 9, Thị trấn Thạch H là chủ sở hữu khu nhà ở 130m². Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới có chắc tên chồng, còn tên vợ chưa thấy điền vào. Vậy tôi đề nghị quý ban cho điền tên vợ tôi là Nguyễn Thị X vào để đảm bảo quyền lợi chung đúng chế độ*”; cùng ngày ông Ch có văn bản ủy quyền toàn bộ cho bà X liên hệ và làm thủ tục xin cấp phát GCNQSDĐ

đối với thửa đất trên. Sau khi có văn bản của ông Ch, bà X đã nhiều lần liên hệ UBND Thị trấn Thạch H và UBND huyện Thạch H để làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ có đầy đủ tên hai vợ chồng nhưng chưa được xem xét, giải quyết.

Tại Sổ vay vốn ngắn hạn do bà X xuất trình thể hiện: Ngày 16/02/1998 ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị X đã thế chấp Nhà và đất ở để vay số tiền 3.500.000 đồng; Sổ vay vốn có chữ ký của cả ông Ch và bà X. Về mục đích vay vốn theo bà X trình bày là do sau khi làm nhà nợ tiền nên vay ngân hàng để trả nợ tiền nhà.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày giữa bà và ông Ch quen biết đi lại từ năm 1985, từ năm 1987 thì ông Ch đến xin phép mẹ của bà đồng thời chung sống với nhau như vợ chồng được gia đình bên ngoài, xóm làng thừa nhận chứng kiến.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H trình bày:* Bố mẹ bà là ông Nguyễn Văn Ch và bà Đặng Thị M sinh được 07 người con gồm: Nguyễn Văn H, sinh 1957 (mất 2014, có vợ là Nguyễn Thị Kim H và hai con là Nguyễn Quang H, sinh 1990 và Nguyễn Quang H, sinh 2003); Nguyễn Thị Mai H, sinh 1960; Nguyễn Văn H, sinh 1962; Nguyễn Thị H, sinh 1966; Nguyễn Thị Th, sinh 1971; Nguyễn Bích H, sinh 1972 và Nguyễn Văn T, sinh 1974. Gia đình bị đơn sinh sống tại xã Thạch Ch, huyện Thạch H (nay là huyện Lộc H), còn bố bị đơn ông Nguyễn Văn Ch là cán bộ phòng Thuế công thương nghiệp huyện Thạch H từ năm 1960 đến 1988 thì nghỉ hưu. Trong thời gian công tác tại huyện Thạch H do điều kiện xa nhà nên ông Ch được phân ở một phòng tại trạm thuế Thị trấn C, do vậy mẹ bị đơn thường xuyên đi về sinh sống tại căn phòng trên với ý nguyện xin một mảnh đất làm nhà và đưa toàn bộ con cái gia đình lên sinh sống gần cơ quan để bố yên tâm công tác; sau đó mẹ bị đơn là bà Đặng Thị M không may lâm bệnh và mất tháng 12/1983. Đến tháng 1/1984 ông Ch làm đơn xin cấp đất và đến cuối năm 1984 được UBND huyện Thạch H cấp một thửa đất với diện tích 200 m² (theo quyết định số 31/QĐ/UBND, ngày 20/11/1984 của UBND huyện Thạch H) Thửa đất được cấp chính là Trạm Thuế Thạch H cũ. Sau đó ông Ch về xã Thạch Ch bán ngôi nhà ở quê và đưa con cái lên sống ở thửa đất được cấp. Năm 1991 do hoàn C gia đình khó khăn ông Ch đã bán lại cho ông Hoàng Văn Đại, bà Nguyễn Thị V một phần đất phía trong (cạnh tường cửa hàng lương thực). Phần còn lại phía ngoài ông Ch dựng tạm ngôi nhà cấp bốn để ở. Năm 1994, thực hiện chủ trương mở rộng đường quốc lộ 1A Nhà nước đã thu hồi toàn bộ phần đất còn lại của ông Ch và đền bù cho ông Ch một phần đất có diện tích 130m² hiện nay đang tranh chấp. Năm 1996 UBND Thị trấn C, huyện Thạch H tổ chức đo đạc để cấp GCNQSDĐ cho gia đình bị đơn. Do đó, bị đơn cho rằng đây là tài sản riêng của gia đình bị đơn không liên quan đến bà Nguyễn Thị X.

Về mối quan hệ giữa ông Ch và bà X, chị H cho rằng: Từ năm 1988 đến năm 1996 ông Ch có quen bà X ở Thạch Thnhung đây chỉ là quan hệ bạn bè, quen biết đi

lại và sau đó ông Ch có ý định kết hôn với bà X nhưng con cái và họ hàng không đồng ý nên ông Ch đã từ bỏ ý định kết hôn; cuối năm 1997 sau khi chúng tôi làm xong nhà cho bố tôi với tiện nghi đầy đủ để ở và thờ phụng tổ tiên. Do điều kiện công tác xa nhà, ông Ch ở một mình nên bà X về ở chung với ông Ch làm bạn già với nhau; chị H nghi ngờ tính pháp lý của giấy đăng ký kết hôn năm 1998 do bà X xuất trình vì giấy kết hôn có nhiều nét chữ, trong đó có chữ y sao là không phù hợp; hơn nữa liên quan đến hồ sơ kết hôn, sổ đăng ký kết hôn tại thời điểm năm 1998 hiện nay không còn lưu trữ tại chính quyền UBND Thị trấn Thạch H nên không đủ căn cứ để đánh giá tính hợp pháp của việc kết hôn. Về văn bản ông Ch viết có nội dung đề nghị cho bà X đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hưởng quyền lợi theo quy định, chị H cho rằng văn bản này không hợp lệ vì: thửa đất này là tài sản chung của bố mẹ chị và 07 anh, chị em con ông Ch, không liên quan đến bà X. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên hộ ông Ch thì tài sản trong đó đều là tài sản chung của các thành viên trong gia đình. Vậy nếu ông Ch muốn tặng cho, chuyển nhượng cho ai phải được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình, ông Ch không có quyền quyết định. Mặt khác chị H cho rằng tại thời điểm ông Ch lập văn bản trên trong tình trạng đầu óc không minh mẫn, không có sự chứng kiến của các con nên không đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn yêu cầu Tòa án xác định thửa đất tranh chấp là tài sản chung của bố mẹ chị và 07 anh chị em bị đơn. Bị đơn không yêu cầu chia thừa kế.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim H (con dâu trưởng của ông Nguyễn Văn Ch) trình bày: Về nguồn gốc tài sản tranh chấp về mặt pháp lý chị không rõ, về mặt thực tế chị về làm dâu từ tháng 12/1988 khi đang còn ngôi nhà xây tường gỗ nhưng chưa hoàn chỉnh, năm 1991 do hoàn C khó khăn của cả gia đình, các con hầu hết ở Hà Nội nhưng rất khó khăn về chỗ ở, kinh tế. Do đó, ông Ch đã bán ngôi nhà cho gia đình ông Đại, bà Vinh để hỗ trợ các con, sau đó ông Ch dựng một gian lều nhỏ ở phần đất vườn bên ngoài gần đường 1A, năm 1995 do mở rộng đường 1A, căn lều phải giải tỏa chuyển vào khu đất hiện đang ở; tháng 03/1997, ông Ch xây lại ngôi nhà mới như hiện nay đang tồn tại. Nguồn tiền để xây nhà chủ yếu là của vợ chồng chị Kim H gửi về giúp. Trong quá trình xây dựng nhà mới bà X có nhiều đóng góp công sức rất lớn trong quá trình xây dựng ban đầu cũng như quá trình tôn tạo bảo quản cho đến ngày nay. Sau khi xây dựng nhà xong thì ông Ch cùng với bà X và em Th về ở cùng nhau tại ngôi nhà đó cho đến bây giờ. Về vấn đề bà X khai về sống với ông Ch từ năm 1987 thì chị H không biết vì khi đó chị chưa về làm dâu. Còn từ năm 1991 đến 1997 do điều kiện công tác xa, các con còn nhỏ, kinh tế khó khăn ít khi về quê nên không rõ, nhưng có lần mẹ con chị H về quê chơi (khoảng 1995 – 1996 gì đó) về nhà thì ông Ch không ở nhà (cửa đóng then cài) mà ở trong nhà bà X nên mẹ con chị H cũng vào nhà bà X ở một vài ngày sau đó về nhà

bố mẹ đẻ ở Thạch M. Về quan điểm giải quyết vụ án chị mong muốn giải quyết theo thỏa thuận trong gia đình nếu không được đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn đều nhất trí như ý kiến của chị Nguyễn Thị Mai H.

* Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn cho rằng: Căn cứ vào hồ sơ cấp quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Thạch H cung cấp cho Tòa án và các tài liệu liên quan đã khẳng định rằng: Năm 1993 nhà nước mở rộng đường QL 1A, tại thời điểm đó gia đình ông Nguyễn Văn Ch là hộ dân đang sống trực tiếp trên mặt tiền QL1A nên được UBND huyện Thạch H cấp đất tái định cư cạnh cửa hàng lương thực, với diện tích 130 m². Do vậy đây là tài sản riêng của ông Ch chứ không phải là tài sản chung của ông Ch và bà X. Vấn đề này được chứng minh bởi các căn cứ sau đây:

- Đất của ông Ch thuộc trường hợp được hợp thức hóa giấy tờ, tức là đất được cấp theo chủ trương tái định cư, chứ không phải được cấp theo thủ tục thông thường và được cấp năm 1993.

- Tại biên bản kiểm tra xác nhận vào đơn đề hợp thức hóa giấy tờ, UBND thị trấn C đã ghi rõ mục nguồn gốc hiện trạng đất là thuộc dời dợn để làm đường, hiện đã làm nhà ở.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ch mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ch hoàn toàn không có tên bà Nguyễn Thị X;

- Biên bản làm việc của UBND Thị trấn C vào lúc 08h, ngày 02/11/1999 đã thể hiện rõ việc ông Ch được cấp đất tái định cư.

- Nếu như bà X trình bày trong đơn là bà và ông Ch là vợ chồng hợp pháp thì theo quy định tại Điều 5 Nghị định 70/2001/NĐ-CP, ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành luật Hôn nhân gia đình: các tài sản chung vợ chồng khi đăng ký quyền sở hữu phải có tên của hai vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật HNGĐ gồm nhà ở, quyền sử dụng đất và các tài sản pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu. Sau khi ông Ch ốm nặng có nguy cơ không qua khỏi thì bà X mới làm đơn xin bổ sung tên vào Giấy chứng nhận QSD đất nhưng không được UBND huyện Thạch H chấp nhận.

- Về hôn nhân của ông Ch và bà X: Không có căn cứ để khẳng định ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị X kết hôn năm 1998 và là vợ chồng hợp pháp vì: sổ đăng ký kết hôn của UBND Thị trấn C (nay là Thị trấn Thạch H) năm 1998 và những năm tiếp theo không còn lưu trữ tại UBND Thị trấn Thạch H; bản sao Giấy kết hôn bà X cung cấp cho Tòa án có nhiều điểm không hợp lệ và không có giá trị; Bản sao sổ hộ khẩu của bà X có biểu hiện không hợp lệ vì bị dấu trang số 01 trong quyển sổ hộ khẩu gốc;

Với những căn cứ trên người đại diện theo ủy quyền đồng thời là người bảo

vệ quyền lợi cho bị đơn cho rằng bà Nguyễn Thị X không có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Việc bà X có thời gian ngắn sống chung với ông Ch trên thửa đất và ngôi nhà do ông Ch cùng các con xây dựng thì các con ông Ch sẽ tính đúng, tính đủ theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ X Th cho rằng anh là con riêng của bà X nhưng anh sống với ông Ch từ nhỏ; việc ông Ch về chung sống với bà X như vợ chồng từ năm 1987 là đúng thực tế vì được nhiều nhân chứng thừa nhận và tại thời điểm đó anh đã 07 tuổi nên đã nhận biết được sự việc. Quá trình chung sống ông Ch chăm sóc, lo lắng cho anh như con ruột, từ việc nuôi dưỡng đến việc tạo dựng nghề nghiệp cho anh như ngày hôm nay. Từ năm 1997 anh cùng bà X về sống trên thửa đất tranh chấp. Sau khi ông Ch mất vợ chồng anh cùng bà X đã sống trên thửa đất tranh chấp đến nay; trong quá trình đó vợ chồng anh cùng với bà X đã có công sửa chữa, tôn tạo nhà nhưng anh không yêu cầu xem xét quyền lợi của mình về việc tôn tạo sửa chữa các tài sản đó mà chỉ yêu cầu được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc N trình bày: Anh là con riêng ngoài giá thú của ông Nguyễn Văn Ch; vấn đề này đã được các đồng thừa kế của ông Ch thừa nhận; đồng thời có kết luận AND thể hiện quan hệ huyết thống giữa anh Nguyễn Văn H (con ông Ch) và anh Nguyễn Quốc N. Anh Nam có yêu cầu được hưởng thừa kế di sản của ông Ch theo quy định pháp luật.

* *Kết quả thu thập tài liệu lưu trữ địa chính tại UBND Thị trấn Thạch H và UBND huyện Thạch H cho thấy:*

- Hồ sơ lưu tại UBND Thị trấn Thạch H:

Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND Thị trấn Thạch H phản ánh: Năm 1984 ông Nguyễn Văn Ch tại thời điểm đó đang là Trưởng phòng Thuế CTN huyện Thạch H được UBND huyện Thạch H cấp một thửa đất có diện tích 200 m² giáp đường QL1A theo quyết định số 31/QĐ- UB, ngày 20/11/1994; năm 1991 do điều kiện khó khăn nên ông Ch đã viết giấy nhượng lại toàn bộ thửa đất trên với số tiền 2.150.000 đồng (Giấy chuyển nhượng có xác nhận của ông Hoàng X V – Chủ tịch UBND Thị trấn C); tại thời điểm chuyển nhượng ông Ch và ông Đại có thỏa thuận ông Ch sẽ trừ lại một số tiền và ông Đại đồng ý cho ông Ch giữ lại một cái ốt trên hành lang giao thông để làm nhà sinh sống; (vấn đề này sau này đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ngày 12/5/1994 ông Ch có văn bản đề nghị UBND Thị trấn căn cứ quyết định cấp đất số 31 để cấp đất tái định cư đảm bảo tiêu chuẩn cho ông Đại, còn ông Ch sẽ làm đơn xin UBND Thị trấn cấp đất sau); và tại hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng Quốc Lộ 1A phản ánh ông Đại bị thu hồi 200 m² và diện tích công trình là 42 m²; còn ông Ch bị thu hồi 36m² công trình (cái ốt). Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: tại UBND Thị trấn Thạch H còn lưu giữ Biên bản giao đất ngày 18/7/1994 cho

ông Nguyễn Văn Ch với các thành phần gồm: ông Nguyễn Văn H – Trưởng công an Thị trấn C; ông Phan Văn Hoi – Thị đội trưởng; ông Nguyễn Văn B – Quản lý ruộng đất thị; ông Nguyễn Văn Nhơn – Khối trưởng Khối 5. Theo nội dung văn bản thể hiện: năm 1994 ông Ch thuộc diện dời dọn làm đường nên UBND Thị trấn C đã giao cho một thửa đất có thu tiền với diện tích 120 m² (*ranh giới tứ cận: phía Bắc giáp nhà kho lương thực dài 20m; phía Nam giáp đường quy hoạch 6m dài 20m; phía Đông giáp đất chợ C dài 6m; phía Tây giáp đường 15 (biên chợ) dài 6m*).

Ngoài ra, tại UBND Thị trấn Thạch H còn lưu giữ một đơn xin cấp đất ngày 01/6/1999 do ông Ch viết đề tên là ông Nguyễn Văn Ch và vợ là Nguyễn Thị X, trú tại khối 5 Thị trấn C có xác nhận của ông Trương Quốc Nhì và ông Hoàng X V. Tại mục xác nhận nêu rõ: Xét đơn xin cấp đất của gia đình ông Ch, khối phố 6 là đối tượng dời dọn. Vậy UBND Thị trấn C nhất trí và đề nghị UBND huyện, phòng địa chính xét và làm thủ tục cấp đất ở cho gia đình tại vị trí ô số 6, phía tây Chợ mới (bãi phi lao). Đối chiếu với sơ đồ quy hoạch thì thửa đất UBND Thị trấn C đề nghị cấp cho ông Ch phù hợp với ranh giới thửa đất tranh chấp hiện nay.

+ Tại biên bản làm việc ngày 02/11/1999 do UBND Thị trấn C lập thể hiện: Năm 1984 ông Ch được cấp 200m² đất nhưng sau đó đã bán cho ông Đại, bà Vinh; tại thời điểm bán ông Ch có giữ lại một cái ốt nằm trên khu vực hành lang giao thông. Đến năm 1994 Nhà nước mở rộng đường QL1A đã thu hồi của ông Đại, bà Vinh phần đất trên, đồng thời giải tỏa cái ốt của ông Ch; sau đó đã cấp cho ông Đại, bà Vinh phần đất ở QL1A và cấp cho ông Ch phần đất có diện tích 120 m² với giá phải nộp là 9.600.000 đồng. Sở dĩ có sự chênh lệch diện tích đất tại thời điểm giao đất (120 m²) và tại thời điểm cấp GCNQSDĐ (130 m²) theo ông Đặng Hữu Phong (cán bộ địa chính Thị trấn Thạch H) có thể là do sai số trong quá trình đo đạc.

- Hồ sơ lưu tại UBND huyện Thạch H:

+ Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh huyện Thạch H chỉ có đơn xin cấp giấy, quyết định cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2004 và một số tài liệu liên quan khác nhưng không có biên bản giao đất tại thời điểm năm 1994; Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 8/6/2004 của ông Nguyễn Văn Ch tại mục nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất thể hiện “*nguồn gốc đất thuộc hộ dời dọn để làm đường; hiện trạng đã làm nhà ở không có tranh chấp*”; Thửa đất tranh chấp tại khối phố 5 Thị trấn Thạch H có diện tích 130 m² thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 04, được cấp giấy CNQSD đất số 00323QSDD/650 ngày 25/6/2004 của UBND huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh mang tên hộ Nguyễn Văn Ch.

* Về nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước: bà Nguyễn Thị X thực hiện nghĩa vụ thuế nhà nước trong các năm 2007, 2010, 2011, 2012, 2013;

* *Trình bày của một số nhân chứng:*

- Ông Hoàng X V (cán bộ UBND Thị trấn C từ năm 1985 đến năm 1990 và từ năm 1990 đến tháng 6 năm 2001 giữ chức vụ chủ tịch UBND Thị trấn C) trình bày: Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp ông Vcung cấp thông tin: Trước khi có thửa đất đang tranh chấp thì ông Nguyễn Văn Ch có 01 thửa đất có diện tích 200 m² tại trạm thuế cũ. Năm 1991, ông Ch đã bán toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất cho vợ chồng ông Đại, bà Vinh nhưng khi đó ông Ch có trừa lại một cái ốt nhỏ nằm trên hành lang giao thông. Việc chuyển nhượng của hai gia đình có lập văn bản được chính quyền địa phương xác nhận. Quá trình giải tỏa mở rộng đường quốc lộ 1A đoạn phía bắc Cầu C đã giải tỏa đất và công trình của một số gia đình trong đó có cái ốt của ông Ch. Trên cơ sở đề nghị của ông Ch và xét thấy hoàn C của ông Ch nên UBND Thị trấn C có giao cho ông Ch một thửa đất có diện tích 120 m² (rộng 6m, dài 20m) tại vùng quy hoạch. Việc giao đất có lập biên bản với sự chứng kiến của các thành phần liên quan (ông Nguyễn Văn B – Quản lý ruộng đất; ông Nguyễn Văn H – Trưởng công an Thị trấn; ông Phan Văn H – Thị đội trưởng; ông Lê Văn Nh – Khối trưởng khối 5) nhưng không có quyết định cấp đất theo quy định vì thời điểm đó ông Ch cũng chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính. So với các hộ gia đình khác ông Ch thuộc đối tượng có công trình dời dọn làm đường chứ không thuộc đối tượng cấp đất tái định cư không phải thu tiền vì đất ông Ch được cấp đã bán cho gia đình ông Đại. Lý do đơn xin đất ở của ông Nguyễn Văn Ch đề ngày 01/6/1999 sau thời điểm được giao đất năm 1994 là vì thời điểm giao đất chưa được cấp có thẩm quyền là UBND huyện ban hành quyết định cấp đất theo quy định. Sau khi nhận đất làm nhà sinh sống ông Ch mới tiến hành làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Tại đơn xin đất ở năm 1999 có mục xác nhận của UBND Thị trấn C đúng là chữ ký của tôi (ông Hoàng X V) và thửa đất được giao thời điểm đó (ô số 6 vùng quy hoạch phía tây chợ mới) đúng là thửa đất tranh chấp hiện nay.

+ Về mối quan hệ hôn nhân giữa ông Ch và bà X, ông Hoàng X V khẳng định việc ông Ch, bà X đến UBND Thị trấn C đăng ký kết hôn năm 1998 là đúng thực tế, trình tự thủ tục được tiến hành theo quy định pháp luật. Mặt khác thực tế hai ông bà sống với nhau như vợ chồng trước thời điểm đăng ký kết hôn. Về thời điểm cụ thể hai ông bà chung sống tôi không nhớ vì lúc đó hai ông bà sống trên địa bàn thuộc quyền quản lý của UBND xã Thạch Thượng, nhưng thời điểm chung sống khoảng năm 1987.

- Ông Nguyễn Văn B (nguyên Phó chủ nhiệm HTX Thị trấn C từ 1985 đến 1991; từ 1992 đến 2000 làm cán bộ địa chính) cho biết: nguồn gốc thửa đất số 84, tờ bản đồ 04 diện tích 130m² ông Ch được cấp có thu tiền; điều kiện ông Ch được cấp thửa đất vì có hộ khẩu tại thị trấn C và ông Ch chưa có đất ở; thời điểm cấp đất năm 1994; khi giao đất có lập biên bản nhưng không có quyết định giao đất.

- Ông Ngô Văn Th (Giữ chức vụ phó Công an Thị trấn C, kiêm cán bộ tư pháp

từ năm 1994 đến năm 2001; sau khi về hưu ông Thành làm khối trưởng khối phố 6 Thị trấn Thạch H): Ông Thành khẳng định năm 1998 ông Ch và bà X trực tiếp đến UBND Thị trấn C để làm thủ tục đăng ký kết hôn, chính ông Thành là người hướng dẫn cho hai ông bà làm các thủ tục đăng ký; tại thời điểm đó ông Ch có xuất trình một giấy đăng ký kết hôn năm 1990 (chỉ có chữ ký của ông Ch và bà X nhưng không xác nhận của chủ tịch UBND nên ông Thành trả lời không hợp pháp nên ông Ch đã tự viết giấy kết hôn khác ghi thời điểm năm 1998) và chính ông Thành đã trực tiếp trình giấy đăng ký kết hôn của ông Ch và bà X cho ông Hoàng X V - chủ tịch UBND Thị trấn C thời điểm đó ký xác nhận. Trong Giấy chứng nhận kết hôn năm 1998 có tại hồ sơ vụ án thì chỉ có chữ “Thị trấn C và Chủ tịch UBND” là do ông Thành viết, còn lại là chữ viết của ông Ch; tại thời điểm trình ký không có chữ “y sao” mà được viết sau này. Cũng theo ông Thành được biết sở dĩ có chữ “ý sao” là do ông Ch viết vào để nói với bà X là giấy kết hôn này y sao giấy kết hôn năm 1990.

+ Về thời điểm cụ thể ông Ch và bà X về chung sống với nhau như vợ chồng ông Thành không nhớ, nhưng thực tế ông Ch sau khi bán đất cho vợ chồng ông Đại bà Vinh thì về nhà bà X sinh sống một thời gian dài rồi mới đăng ký kết hôn. Thủ tục kết hôn tại thời điểm đó (năm 1998) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, có vào sổ đăng ký đầy đủ; sau khi nghỉ hưu ông Thành đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu cho UBND Thị trấn C quản lý. Tại đơn xin xác nhận của bà X ngày 20/12/2006 chính ông Ngô Văn Th (Khối phố trưởng khối phố 6, Thị trấn Thạch H) và ông Nguyễn Quốc Nhì (chủ tịch UBND Thị trấn) cũng xác nhận việc ông Ch và bà X sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1987.

+ Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Trước khi có thửa đất đang tranh chấp thì ông Nguyễn Văn Ch có 01 thửa đất bán cho vợ chồng ông Đại, bà Vinh với diện tích bao nhiêu thì ông không biết, nhưng ông Ch có trừ lại một ky ốt nằm trên đất hành lang đường Quốc lộ 1A để sinh sống hàng ngày. Sau khi nhà nước giải tỏa mở đường Quốc lộ 1A thì ông Ch chuyển về sinh sống tại nhà riêng bà X; sau đó ông Ch cũng được UBND Thị trấn cấp một thửa đất tranh chấp hiện nay.

- Ông Nguyễn Văn H (công tác tại UBND Thị trấn C từ năm 1986 đến tháng 7/2015 từng giữ chức vụ Trưởng công an Thị trấn C; từ 1995 đến 2001 giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND Thị trấn C) cho biết: ông Ch nguyên là Trưởng phòng Thuế CTN nghỉ hưu trên địa bàn; năm 1994 khi Nhà nước mở rộng QL1A phía bắc cầu C có giải phóng đất, nhà ở, công trình của một số hộ dân. Tại thời điểm đó ông Ch có một ky ốt 36 m² nằm trong khu vực giải tỏa (nguồn gốc ky ốt này trước đây ông Ch có một thửa đất 200 m² được Nhà nước cấp năm 1984 đã làm nhà sinh sống trên đó; đến năm 1991 bán lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đại, bà Nguyễn Thị V nhưng khi bán vẫn trừ lại một cái ốt phía trước nằm trên hành lang giao thông). Khi vận động ông Ch giải tỏa cái ốt thì UBND Thị trấn C đã xem xét giao cho ông

Ch một phần đất ở có diện tích 120 m²; tại thời điểm giao đất có lập biên bản định vị thửa đất chứ không có quyết định giao đất theo quy định. Thành phần giao đất có tôi là trưởng công an thị trấn C, ông Phan Văn Hợi – Thị đội trưởng; ông Nguyễn Văn B – Quản lý ruộng đất; ông Lê Văn Nhơn - khối phố trưởng khối 5. Tại thời điểm giao thửa đất có diện tích 120 m² thuộc ô số 6 vùng quy hoạch chợ mới; sau khi được giao đất ông Ch đã tiến hành làm nhà sinh sống một thời gian sau đó mới làm thủ tục xin cấp đất theo quy định và đến năm 2004 đã được UBND huyện Thạch H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 130 m². Sở dĩ có sự chênh lệch diện tích giữa tại thời điểm giao đất và diện tích trong giấy chứng nhận là do sai số trong quá trình đo đạc. Về mối quan hệ giữa ông Ch và bà X tại thời điểm giao đất ông Hữu không nắm được. Tại buổi giao đất chỉ có sự chứng kiến của ông Ch, không có mặt bà X.

- Bà Lê Thị H (Cán bộ địa chính huyện Thạch H từ năm 1982 đến năm 2014) trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp trên là được nhà nước giao đất sau khi thu hồi làm đường 1A, không có quyết định giao đất. Tiền sử dụng đất bao nhiêu thì bà không biết vì trường hợp ông Ch nộp tiền sử dụng đất cho UBND thị Trấn C. Sau khi được giao đất thì khoảng năm 1996 đến năm 1997 ông Ch đã làm nhà trên thửa đất. Ông Ch có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất theo nghị định 60 (đất đô thị đã có nhà ở). Thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất do ông Ch làm. Năm 2006 bà X có đến phòng Tài nguyên môi trường huyện Thạch H yêu cầu bổ sung tên mình vào giấy chứng nhận QSD đất của ông Ch, nhưng có ý kiến phản hồi của các con ông Ch nên chính quyền chưa thực hiện thủ tục bổ sung tên bà X vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về biên bản giao đất do UBND thị trấn thực hiện và lưu giữ.

- Bà Nguyễn Thị V (người mua thửa đất của ông Ch) trình bày: Năm 1991 vợ chồng bà mua toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất của ông Ch với giá 6.000.000 đồng; tại thời điểm mua đất gia đình bà Vinh mới trả 5.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng nên ông Ch không sang bìa cho chúng tôi; sau đó thì vợ chồng bà sinh sống trên thửa đất của ông Ch, còn ông Ch sinh sống ở 01 cái lán tạm dựng trên phần đất hành lang đường quốc lộ 1A. Thời điểm giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A thì gia đình bà Vinh được đền bù 01 thửa đất mới, còn ông Ch không được đền bù mà xin cấp đất mới có nộp tiền. Sau đó ông Ch đã được cấp một thửa đất có nộp tiền. Đến khoảng năm 1994 ông Ch đã di dời cái lán về trên thửa đất đang tranh chấp.

- Ông Nguyễn Đình Ngọc (là bạn thân và hàng xóm của ông Ch cho biết: đã sống gần thửa đất đang tranh chấp từ năm 1976 đến nay. Về mối quan hệ giữa ông Ch và bà X đăng ký kết hôn thời điểm nào thì ông không biết, nhưng thực tế bà X có về sinh sống với ông Ch trên ngôi nhà tranh chấp từ năm 1997 tại tổ 5 Thị trấn Thạch H. Trước khi bà X về chung sống tại nhà ông Ch thì hai ông bà đã có quan hệ quen

biết, đi lại với nhau. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là đất ông Ch được cấp tái định cư có nộp tiền sau khi dời dọn giải tỏa đường QL 1A. Ngôi nhà trên thửa đất do ông Ch trực tiếp đứng ra thuê thợ là anh Bùi Quang H (cháu ông Ch) xây dựng. Thời điểm xây nhà bà X chưa về sống chung. Sau khi xây nhà xong ông Ch và các con có làm mấy mâm cơm khánh thành nhà đồng thời đón bà X về sống chung với ông Ch; sau này bà X có làm thêm mái che ở trước sân nhà, có sửa sang phần nhà bếp.

- Bà Nguyễn Thị Tiến (hàng xóm đối diện thửa đất đang tranh chấp) trình bày: Năm 1994 bà có mua 01 thửa đất của Lương Thực Thạch H cũ cùng thời điểm đó thì ông Ch cũng về sinh sống tại thửa đất gần nhà bà. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp ông Ch mua hay được cấp thì bà không biết. Sau khi có thửa đất thì ông Ch có dựng 01 căn nhà tạm và sống một mình trên đó. Năm 1997 thì ông Ch tiến hành xây dựng căn nhà (hiện tại); tại thời điểm xây dựng nhà thì chỉ có ông Ch đứng ra thuê thợ, tiến hành xây nhà. Sau khi xây nhà xong thì bà X, anh Th về sinh sống cùng ông Ch và có làm mấy mâm cơm mời họ hàng hai bên. Sau khi bà X về sinh sống với ông Ch có sửa sang lại nhà và làm thêm mái tôn trước sân.

- Ông Nguyễn Văn Nhiệm (tổ trưởng dân phố hiện nay) trình bày: Năm 1987 ông Ch có quen bà X và có đi lại với nhau, còn sống chung hay không thì ông không biết. Năm 1997 khi ông Ch xây nhà ở thửa đất đang tranh chấp thì bà X về sống chung với ông Ch. Về nội dung xác nhận tại bản tường trình của bà X về việc hai ông bà sống với nhau năm 1987 ông Nhiệm xin đính chính lại là thời điểm đó hai ông bà có đi lại với nhau nhưng sống chung với nhau hay không thì ông Nhiệm không biết.

- Bà Nguyễn Thị Th (hàng xóm của bà X nhà phía sau căn nhà riêng của bà X): Bà Th từng giữ chức vụ Chi Hội phó đến Chi Hội trưởng Hội phụ nữ tổ dân phố 6 thị trấn Thạch H từ năm 1977 đến năm 2016. Bà Th khẳng định: Ông Nguyễn Văn Ch về chung sống với bà Nguyễn Thị X khoảng từ năm 1987 đến năm 1988 gì đó. Quá trình chung sống ông Ch đau ốm thì bà X có chăm sóc ông Ch chu đáo, hai ông bà sống với nhau rất tình cảm. Đến năm 1997 bà X và anh Th chuyển về sống với ông Ch tại tổ dân phố 5, Thị trấn Thạch H (trên thửa đất đang tranh chấp hiện nay).

- Ông Trần Văn C (nguyên làm phó rồi lên Trưởng công an xã Thạch Thừ từ năm 1986 đến 1990; từ 1993 làm Phó chủ tịch xã Thạch Thkiem Trưởng công an xã) trình bày: năm 1987 nghe thông tin của người dân lúc đó với tư cách là công an xã ông C đã đi kiểm tra và thấy ông Ch và bà X sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, chúng tôi có nhắc nhở ông bà nhưng không làm thủ tục xử phạt hành chính vì ông Ch lúc đó là cán bộ nghỉ hưu, vợ đã mất, bà X chưa chồng nhưng có một con trai; tại thời điểm đó tại nhà bà X có ông Ch, bà X và con trai bà X chung sống với nhau; ông Ch cũng không làm thủ tục tạm trú; sau thời điểm đó chúng tôi cũng có một vài lần đến kiểm tra, nhắc nhở hai ông bà nếu đã tiến hành

sống chung với nhau như vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 1997 bà X, ông Ch, cháu Th chuyển về sinh sống tại nhà ông Ch; địa chỉ tiểu khu 5, Thị trấn Thạch H; việc hai ông bà có đăng ký kết hôn hay không thì ông C không biết.

- Ông Nguyễn Văn D (nguyên là bí thư Chi bộ xóm 6 xã Thạch Thừ 1991 đến 1995 đồng thời là hàng xóm của bà X) trình bày: ông D không nhớ rõ thời gian ông Ch sống chung với nhau từ thời điểm nào nhưng khẳng định là ông Ch có về sống chung tại nhà bà X trước năm 1990; khi ông Ch đến sống chung tại nhà bà X thì không tổ chức kết hôn nhưng ông bà sống với nhau rất tình cảm, chăm sóc yêu thương nhau; có thời điểm bà X và con trai là anh Th về sinh sống tại nhà ông Ch; hiện tại bà X sống tại tổ dân phố 6, Thị trấn Thạch H.

- Ông Nguyễn Văn Ng (là hàng xóm nhà đối diện nhà bà X) cho biết: năm 1989 khi ông Ng đi bộ đội về thì thấy ông Ch và bà X chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà bà X (xóm 6 xã Thạch Th nay là tổ 6, Thị trấn Thạch H); tại thời điểm khi ông bà về chung sống với nhau có tổ chức đám cưới hay không thì ông Ng không biết nhưng những ngày giỗ, ngày tết thì hai ông bà có mời hàng xóm sang; quá trình ông bà sống chung rất tình cảm, yêu thương nhau; ông Ch chăm sóc dạy dỗ anh Th con bà X như con đẻ; về nguồn gốc thửa đất tranh chấp thì ông Ng không biết.

** Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:*

- Về diện tích và hiện trạng thửa đất:

Kết quả đo vẽ hiện trạng cho thấy: Diện tích đất tranh chấp hiện tại gia đình anh Vũ X Th đang quản lý, sử dụng là 143,8 m²; Ranh giới thửa đất như sau: phía Bắc giáp chợ Thị trấn Thạch H dài 20m; phía Nam giáp đất ở thửa số 75 mang tên ông Nguyễn X Đình (thực tế hiện nay ông Nguyễn X Ninh sử dụng) dài 20m; phía Đông giáp chợ Thị trấn Thạch H rộng 7,27m; phía Tây giáp đường tổ dân phố rộng 7,12m. So với Giấy CNQSD đất cấp năm 2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ch thì diện tích đất thực tế hiện nay chênh lệch 13,8 m². Quan điểm của UBND huyện Thạch H đối với diện tích này có nguồn gốc do gia đình bao lán, đang thuộc quyền quản lý của UBND, khi nào hộ gia đình có yêu cầu và thực hiện nghĩa vụ tài chính thì sẽ xem xét công nhận.

- Về tài sản trên đất: Trên thửa đất tranh chấp có các tài sản như sau:

- 01 gian nhà xây gạch móng đá, tường gạch ống đỏ 15 hộc 3,6m mái lợp firo xi măng, trần nhựa, nền láng cửa gỗ, diện tích 31,57m².

- 01 gian nhà xây gạch móng đá, tường gạch xây gạch taplo hộc 2,8m mái lợp firo xi măng, trần nhựa, nền láng cửa gỗ, diện tích 11,48m².

- Nhà vệ sinh, công trình phụ liền kề, tường ốp công trình chính móng xây đá hộc, tường 110, cao 3m, nền láng, mái lợp tôn. diện tích 37,96m².

- Phần mái via diện tích 9,43m².

- Hàng rào phía trước căn nhà xây gạch đặt 110, diện tích 7,2m².
- Trụ cổng thể tích 0,768m³
- Mái công bê tông không gắn ngói, diện tích 2,1m²
- Mái tôn màu, mạ kẽm ống thép diện tích 51,83m².
- Sân lát xi măng diện tích 51,83 m².
- Trần nhựa diện tích 33,62 m².

* Về kết quả định giá tài sản:

- Về đất: Phần đất được cấp giấy CNQSD đất 130m² x 4.000.000đồng/m² = 520.000.000 đồng. Phần diện tích 13,8m² nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ch thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thị Trấn Thạch H chưa được xác lập quyền sử dụng hợp pháp nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá.

- Về tài sản trên đất: 41.690.006 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm chín mươi nghìn sáu đồng).

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 561.690.006 đồng (Năm trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, không trăm linh sáu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 654 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013, Điều 8, Điều 17 Luật HNGĐ năm 1986, Điều 33, 66 Luật HNGĐ năm 2014, Nghị quyết 35/NQ ngày 09/06/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/NQ, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc xác định thừa đất số 84, tờ bản đồ 04 có diện tích 130 m², được UBND huyện Thạch H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00323QSDD/650, ngày 25/6/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ch và các tài sản trên đất là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị X, trong đó giá trị tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Nguyễn Thị X là 561.690.006 đồng/2 = 280.845.0003 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ch để lại có giá trị 280.845.00033 đồng với kỹ phân cụ thể như sau: Bà Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị Mai H, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Bích H, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Quốc N, anh Vũ X Th mỗi người được hưởng một kỹ phần thừa kế tương ứng với số

tiền 28.084.500 đồng; chị Nguyễn Kim H và các con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang H được nhận một kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền 28.084.500 đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị X được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ 04 có diện tích 130 m² được UBND huyện Thạch H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00323QSDD/650, ngày 25/6/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Chvà các tài sản trên đất có tổng giá trị là 561.690.006 đồng (Năm trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, không trăm linh sáu đồng) tại khối phố 5, Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh H.

Buộc bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ Th toán cho các đồng thừa kế còn lại gồm chị Nguyễn Thị Mai H, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Bích H, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Quốc N, anh Vũ X Th mỗi người một kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền 28.084.500 đồng; chị Nguyễn Kim H và các con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang H được nhận một kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền 28.084.500 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung trình bày.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 11/8/2020, chị Nguyễn Thị Mai H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 28/12/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 71/2021/KN – DS đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 53/2022/DS – GĐT ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tuyên xử:

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 71/2021/KN – DS ngày 28/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về vụ án “Tranh chấp tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị X với bị đơn là bà Nguyễn Thị Mai H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác.

- Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 17/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra thông báo thụ lý vụ án phúc thẩm số 16/2022/TBTL – PT đối với vụ án. Quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết lại vụ án phía bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Bích H, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Quốc N có văn bản ủy quyền cho ông Trần Hậu Đ và giữ nguyên nội dung, quan điểm đã trình bày, nguyện vọng muốn được lấy toàn bộ diện tích đất và giao lại số tiền $\frac{1}{2}$ diện tích đất tương ứng khoảng 500.000.000 đồng cho bà X. Chị Nguyễn Kim H và các con là anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H cũng giữ nguyên ý kiến không trình bày bổ sung và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, không đồng ý phương án hòa giải đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa đã đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch H theo hướng chia cho bà X và anh Vũ X Th phần đất diện tích 65m²; bà H và các đồng thừa kế con ông Ch và bà Mười phần diện tích đất 65m² trên tổng 130m² đất thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ 04, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị X và anh Vũ X Th được quyền quản lý sử dụng 65m² đất có tứ cận phía Bắc giáp đường vào chợ dài 20m; phía Nam giáp với phần đất của chị Nguyễn Thị Mai H và các đồng thừa kế con ông Ch và bà Mười dài 20m; phía Đông giáp chợ dài 3,25m; phía Tây giáp đường khu dân cư dài 3,25m (có sơ đồ vị trí kèm theo ký hiệu S1).

Bà Nguyễn Thị Mai H, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Bích H, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Quốc N, chị Nguyễn Kim H (và các con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang H) được quyền quản lý sử dụng 65m² đất thừa kế với kỹ phần ngang nhau có tứ cận: Phía Bắc giáp đất bà X dài 20 m; phía Nam giáp với thửa đất số 75 mang tên ông Nguyễn X Đình dài 20m; phía Đông giáp chợ dài 3,25m; phía Tây giáp đường khu dân cư dài 3,25m. (có sơ đồ vị trí kèm theo ký hiệu S2).

Bà Nguyễn Thị X, anh Vũ X Th, bà Nguyễn Thị Mai H và các đồng thừa kế có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị X và anh Vũ X Th có nghĩa vụ dời dọn các công trình trên đất liên quan phần đất đã giao cho các đồng thừa kế.

- Buộc ông Nguyễn Quốc N phải hoàn trả lại cho anh Vũ X Th và bà Nguyễn Thị X số tiền 28.084.000đ (*Hai mươi tám triệu, không trăm tám mươi tư ngàn đồng chẵn*)

3. Buộc bà Nguyễn Thị Mai H trả lại cho anh Vũ X Th số tiền 2.465.000đ (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn*) tiền chi phí thẩm định, định giá và đo vẽ sơ đồ đối với thửa đất tranh chấp.

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế” là đúng theo quy định tại khoản 2, 5 tại Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Bích H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Quốc N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và đều có văn bản ủy quyền cho ông Trần Hậu Đ. Bà Nguyễn Kim H, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H cũng đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Bích H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Quốc N, bà Nguyễn Kim H, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Quang H là đúng quy định.

Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Vũ X Th đang công tác tại ngành Công an do vậy anh Th không được làm người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X, tại phiên tòa phúc thẩm HĐXX chỉ xác định anh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn Ch(chết năm 2007) và bà Đặng Thị Mười (chết năm 1983) có 07 con chung gồm các anh Nguyễn Văn H (mất 2014, có vợ là Nguyễn Thị Kim H và hai con là Nguyễn Quang H và Nguyễn Quang H); Nguyễn Thị Mai H; Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Bích H và Nguyễn Văn T. Ngoài

ra, ông Nguyễn Văn Chcó 01 con riêng ngoài giá thú là anh Nguyễn Quốc N.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn Ch:* Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn Chquen biết với nhau từ năm 1987 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chung sống như vợ chồng của ông Ch và bà X tại thời điểm đó đã được nhiều người chứng kiến. Đến năm 1991 sau khi bán nhà cho ông Đại, bà Vinh thì ông Ch chính thức về ở hẳn tại nhà bà X nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Đến năm 1998 khi làm thủ tục vay vốn trả nợ tiền nhà ngân hàng yêu cầu giấy đăng ký kết hôn mới làm được thủ tục vay vốn nên hai ông bà ra UBND Thị trấn C làm thủ tục đăng ký kết hôn. Phía bị đơn thì cho rằng từ năm 1987 đến năm 1996 bố bị đơn (ông Ch) có quen bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1945 ở Thạch Thượng, Thạch H nhưng chỉ là bạn bè, quen biết đi lại, ông có ý định kết hôn nhưng con cái và họ hàng không đồng ý nên ông Ch từ bỏ ý định kết hôn và ở vậy nuôi con. Đến cuối năm 1997 sau khi làm xong nhà thì đón bà X về ở cùng với ông Ch. Việc đăng ký kết hôn hay không thì bị đơn không biết; thủ tục đăng ký kết hôn giữa ông Ch và bà X có nhiều điểm không minh bạch, không hợp pháp, đề nghị Tòa án xác minh làm rõ. Vấn đề này, HĐXX thấy rằng: Mặc dù các bên trình bày không thống nhất về thời điểm ông Ch và bà X về sống chung như vợ chồng nhưng đều thừa nhận giữa hai ông bà có quan hệ đi lại, tìm hiểu từ năm 1987; qua xác minh tại các nhân chứng như ông Hoàng X V (nguyên là Phó chủ tịch UBND Thị trấn C từ 1987 đến 1990 và chủ tịch UBND Thị trấn C từ 1990 đến tháng 6/2001), ông Ngô Văn Th (nguyên Phó Công an Thị trấn C, kiêm cán bộ tư pháp từ năm 1994 đến 2001) là những người trực tiếp thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho ông Ch, bà X đều thừa nhận giữa hai ông bà đã có quá trình chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài rồi mới đăng ký kết hôn; tại thời điểm hai ông bà đến UBND Thị trấn C làm thủ tục đăng ký kết hôn là năm 1998 và thủ tục đăng ký kết hôn đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; việc giấy kết hôn do nguyên đơn xuất trình có chữ “Y sao” theo ông Thành cho biết tại thời điểm viết giấy kết hôn không có chữ này mà được ông Ch viết vào sau để nói với bà X là giấy kết hôn này y sao giấy kết hôn trước đó; ông Nguyễn Văn Nhiệm (nguyên là Khối trưởng Khối phố 5 đồng thời là hàng xóm của ông Ch, bà X) cho biết: ông Ch và bà X quen biết, đi lại với nhau từ năm 1987 nhưng việc hai ông bà về sống chung thời điểm nào thì ông Nhiệm không biết; bà Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1953, trú tại Tổ dân phố 6, Thị trấn Thạch H (nguyên là cán bộ, Hội trưởng Hội phụ nữ khối phố 6 từ năm 1977 đến 2016) cho biết: bà X trước đây có chồng là ông Vũ Văn Cần và có một con trai là Vũ Văn Th, sau khi ông Cần mất thì bà X quen biết ông Ch làm ở Thuế Thạch H và về sống chung với nhau như vợ chồng khoảng từ năm 1987 đến 1988 tại nhà bà X. Quá trình sống chung với nhau hai ông bà rất tình cảm, chăm sóc nhau chu đáo. Đến năm 1997 thì bà X và ông Ch cùng anh Th chuyển về khối phố 5, Thị trấn Thạch H sinh sống;

ông Nguyễn Văn Ng là hàng xóm (đối diện nhà bà X tại khối phố 6 Thị trấn Thạch H) cho biết: từ năm 1989 khi ông Ng đi bộ đội về đã thấy ông Ch về chung sống như vợ chồng tại nhà bà X (Trước đây là xóm 6 xã Thạch Thượng). Khi về chung sống với nhau hai ông bà không tổ chức liên Hn nhưng thỉnh thoảng ngày giỗ, ngày tết thì hai ông bà có mời hàng xóm. Quá trình chung sống giữa hai ông bà rất tình cảm, ông Ch quan tâm chăm sóc anh Th con bà X như con ruột. Sau đó có một thời gian bà X và anh Th chuyển về sinh sống tại nhà ông Ch nhưng thời gian cụ thể thì ông Ng không biết. Như vậy, lời trình bày của các nhân chứng cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn về thời điểm ông Ch và bà X sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1987. Do đó căn cứ quy định tại Nghị quyết 35/NQ UBTVQH, ngày 09 tháng 06 năm 2000 của UBTV Quốc hội và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết 35/NQ thì đây là hôn nhân hợp pháp và thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông Ch được xác định từ năm 1987 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh Vũ X Th xuất trình Đơn xác nhận của ông Vũ Đình Thu (là con trai của ông Vũ X Cần) khẳng định giữa ông Vũ X Cần và bà Nguyễn Thị X không thể kết hôn mà chỉ là quan hệ ngoài luồng và có con chung là anh Vũ X Th vì ông Vũ X Cần đã có vợ hợp pháp ở quê nhà càng khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn Ch là thực tế, hợp pháp.

[2.2] *Về nguồn gốc hình thành nên thửa đất tranh chấp*: Ngày 10/01/1984, ông Ch làm “Đơn xin đất làm nhà” đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh cấp một thửa đất để ổn định chỗ ở cho ông Ch và các con. Tại “Quyết định cấp đất cho tư nhân số 31/QĐ/UBND, ngày 20/11/1984 của UBND huyện Thạch H có nội dung: Cho phép ông Nguyễn Văn Ch, trú tại Thạch Thượng, Thạch H được sử dụng diện tích 200 m² tại thị trấn C, huyện Thạch H. Năm 1991 do hoàn C gia đình khó khăn ông Ch đã bán lại cho ông Hoàng Văn Đại, bà Nguyễn Thị V nhưng vẫn giữ lại một cái ốt nằm trên hành lang giao thông. Năm 1994, thực hiện chủ trương mở rộng đường quốc lộ 1A Nhà nước đã giải tỏa thửa đất của gia đình ông Đại và cái ốt của ông Ch. Ngày 18/7/1994, căn cứ quy hoạch điều chỉnh đường Quốc lộ 1A, hộ ông Ch phải dời dọn đến vị trí mới tại khu vực bố trí dân cư ở chợ C có tổng diện tích 120 m². Qua kiểm tra đối chiếu các hồ sơ lưu trữ, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Thạch H cung cấp thông tin: “Theo bản đồ 299, được đo vẽ năm 1988 vị trí thửa đất hiện nay thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 04, diện tích 130 m² chủ sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Ch, theo đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ch đề ngày 08/5/2004 được ủy ban nhân dân thị trấn Thạch H xác nhận nguồn gốc đất thuộc hộ dời dọn để làm đường, đến nay phòng Tài nguyên và môi trường chưa thấy các tài liệu chứng minh thửa đất bà X và ông Ch mua”. Như vậy, nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do ông Ch được Ủy ban

nhân dân thị trấn C (Nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Thạch H) giao đất theo diện dời dụn để làm đường, thửa đất số 84 là tài sản riêng của ông Ch trước khi đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị X vào năm 1998. Đồng thời, tài sản này có nguồn gốc hình thành trên cơ sở thửa đất của ông Ch được cấp từ năm 1984 trước khi ông Ch chung sống với bà X.

[2.3] *Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X:*

Mặc dù thửa đất tranh chấp là tài sản của ông Ch được cấp trước khi chung sống với bà X. Tuy nhiên, về mặt pháp lý tại thời điểm đó ông Ch chưa được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật vì ông Ch chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (theo biên bản làm việc tại UBND Thị trấn thì đến trước năm 1999 ông Ch chưa hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước) và theo quy định của Luật đất đai 1993 thì UBND cấp xã cũng không có quyền cấp đất; sau khi nhận đất làm nhà ông Ch mới từng bước hoàn thiện các thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; tại đơn xin đất ở năm 1999 ông Ch đã chủ động điền tên bà Nguyễn Thị X vào và có xác nhận của chính quyền địa phương; cũng như tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 cũng được đề tên bà Nguyễn Thị X. Như vậy mặc dù nguồn gốc ban đầu ông Ch được giao đất theo diện phải dời dụn công trình làm đường 1A, (nhưng tại thời điểm đó thủ tục giao đất chưa đúng quy định) và trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được công nhận quyền sử dụng đất ông Ch đã đồng ý cho phép bà X cùng đứng tên chủ sử dụng đất (thể hiện qua đơn xin đất ở năm 1999 ông Ch chủ động viết tên bà X vào); trên cơ sở đề nghị của ông Ch đến năm 2004 UBND huyện Thạch H đã cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ch (tại thời điểm cấp đất hộ khẩu ông Ch có bà X, ông Ch và anh Th); mặt khác để thể hiện hơn ý chí của mình năm 2006 ông Ch đã viết giấy đồng ý bổ sung tên bà X vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Văn bản ông Ch viết năm 2006 thỏa mãn nội dung và hình thức theo quy định tại Khoản 1, Điều 13, Nghị định 70/2001/NĐ-CP ngày 03-10-2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình là: *“Việc nhập tài sản là nhà ở, quyền sử dụng đất và các tài sản khác có giá trị lớn thuộc sở hữu riêng của một bên vợ hoặc chồng vào tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 của luật Hôn nhân và gia đình phải được lập thành văn bản, có chữ ký của cả vợ và chồng”*.

Về căn cứ thực tế mặc dù ông Ch và bà X tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật từ năm 1998 song thực tế trước khi đăng ký kết hôn giữa hai ông bà đã có quá trình chung sống tại nhà bà X từ trước năm 1990 (dù các nhân chứng không khẳng định thời điểm cụ thể song đều thừa nhận giữa ông Ch và bà X có quá trình chung sống với nhau trước khi đăng ký kết hôn và trước thời điểm ông Ch được giao đất. Với những căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế nêu trên có thể khẳng định thửa đất có diện tích 130 m² tại khối phố 5 Thị trấn Thạch H là tài sản chung của ông Nguyễn

Văn Ch và bà Nguyễn Thị X. Ông Nguyễn Văn Ch mất năm 2007 không để lại di chúc, bà Nguyễn Thị X là vợ hợp pháp của ông Ch nên có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật. Do đó việc bà X khởi kiện yêu cầu xác định thửa đất số 84, tờ bản đồ 04 có diện tích 130 m², được UBND huyện Thạch H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00323QSDD/650, ngày 25/6/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ch và các tài sản trên đất là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị X, đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ch là có cơ sở.

[2.4] Về xác định di sản thừa kế, diện thừa kế và cách phân chia

Về xác định di sản thừa kế: Quá trình thụ lý và giải quyết lại vụ án. Tại biên bản thẩm định định giá tài sản ngày 04.01.2023, các bên đương sự thống nhất về tài sản trên đất đã xuống cấp, giá trị sử dụng còn lại thấp và thống nhất lấy kết quả định giá trước đó, tổng trị giá tài sản trên đất là 41.690.000đ. Đối với đất, giá đất biến động tăng, tổng trị giá đất tại thời điểm định giá là 8.926.000đ/m² tương đương 1.160.380.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản tranh chấp là 1.202.070.000 đồng.

Về diện và hàng thừa kế: Ông Nguyễn Văn Ch có 07 người con gồm có anh Nguyễn Văn H (mất 2014, có vợ là Nguyễn Thị Kim H và hai con là Nguyễn Quang H và Nguyễn Quang H); chị Nguyễn Thị Mai H; anh Nguyễn Văn H; chị Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Thị Th; anh Nguyễn Bích H, anh Nguyễn Văn T và một người con ngoài giá thú là anh Nguyễn Quốc N. Đối với anh Vũ X Th không phải là con đẻ của ông Ch nhưng ông Ch đã có công chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ vì vậy anh Th cũng được hưởng thừa kế của ông Ch theo quy định tại Điều 654 BLDS.

Về kỹ phân và cách chia thừa kế: Tổng giá trị di sản có tranh chấp thừa kế là 1.202.070.000 đồng. Xét nguyện vọng các đồng thừa kế đều mong muốn được chia bằng hiện vật chứ không chia bằng tiền. Do đó, HĐXX xét thấy cần chia bằng hiện vật để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự. Đối với bà Nguyễn Thị X mặc dù nguồn gốc hình thành khối tài sản này là đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ch nhưng ông đã tự nguyện nhập vào tài sản chung vợ chồng nên việc chia quyền sử dụng đất nói trên là tài sản chung cho bà Nguyễn Thị X là đúng quy định. Xét nguồn gốc hình thành thửa đất này do ông Ch đóng góp nhiều hơn do vậy khi phân chia tài sản chung cần xem xét chia phần tài sản chung là diện tích đất và ngôi nhà trên đất cho bà X được hưởng ít hơn phần tài sản của ông Ch, tuy nhiên bà X cũng có công tôn tạo trông nom và thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, đối với ngôi nhà đến nay cũng đã qua nhiều lần anh Th và bà X tu sửa do vậy quá trình phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế cần chia quyền sử dụng đất nói trên cho bà X và kỹ phân thừa kế của anh Vũ X Th và bà Nguyễn Thị X trong suất thừa kế di sản của ông Ch được hưởng là ½ diện tích đất và ngôi nhà, tương đương diện tích đất 65 m² phần đất giáp đường công vào chợ C (có sơ đồ vị trí kèm theo S1), đối với ½ phần

diện tích đất còn lại tương đương 65 m² phần đất giáp nhà ông Nguyễn X Đình (có sơ đồ vị trí kèm theo S2), giao cho các đồng thừa kế còn lại của ông Nguyễn Văn Ch và tạm giao cho bà Nguyễn Thị Mai H quản lý, sử dụng như đề nghị của những người thừa kế khác trong vụ án. Bà Nguyễn Thị X Và anh Vũ X Th có quyền sử dụng ngôi nhà trên phần diện tích đất được giao, đối với phần đất đã phân chia cho các đồng thừa kế con của ông Ch nếu còn vướng phần xây dựng của ngôi nhà và các công trình khác anh Vũ X Th tự nguyện dời dợn.

[2.5] Về diện tích đất bao lần: Theo kết quả thẩm định tại chỗ cho thấy trong tổng diện tích đất tranh chấp có 13,8 m² đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì đây là diện tích hộ gia đình bao lần, mặc dù không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch nhưng do chưa được gia đình kê khai và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định nên chưa được công nhận quyền sử dụng đối với phần đất này. Xét thấy phần đất trên không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của UBND Thị trấn Thạch H nên HĐXX không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ X Th xuất trình biên bản làm việc với cơ quan thi hành án Thạch H xác minh việc sau khi có bản án DSPT số 05/DSPT ngày 25/6/2020 của TAND tỉnh Hà Tĩnh, anh Th và bà X đã tự nguyện thi hành bản án và hoàn trả số tiền kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế theo quyết định của bản án nói trên và ông Nguyễn Quốc N đã nhận số tiền 28.084.000đ từ cơ quan thi hành án Thạch H, nay bản án phúc thẩm của TAND tỉnh Hà Tĩnh nói trên đã bị hủy để giải quyết lại và HĐXX đã phân chia di sản thừa kế theo hiện vật theo đó anh Nam và các đồng thừa kế con cháu của ông Ch được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật cho nên cần buộc Nguyễn Quốc N phải hoàn trả lại cho anh Vũ X Th và bà Nguyễn Thị X số tiền 28.084.000đ nói trên. Anh Vũ X Th và bà Nguyễn Thị X có quyền liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch H để được nhận lại số tiền còn lại của các đồng thừa kế khác chưa nhận cùng với lãi suất phát sinh đã gửi tiết kiệm không kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam chi nhánh Thạch H cho đến nay.

[2.6] Về chi phí thẩm định, định giá và đo vẽ sơ đồ đối với thửa đất tranh chấp tại cấp phúc thẩm với tổng chi phí 4.930.000đ (*bốn triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng chẵn*), xét việc xem xét, thẩm định và đo vẽ lại là cần thiết, mỗi bên tranh chấp đều phải chịu một nửa chi phí. Anh Vũ X Th đã nộp toàn bộ chi phí, do đó buộc bà Nguyễn Thị Mai H trả lại cho anh Vũ X Th số tiền 2.465.000đ (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn*)

[2.7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Mai H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Mai H và những người được hưởng di sản thừa

kế đều phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 654 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013, Điều 8, Điều 17 Luật HNGĐ năm 1986, Điều 33, 66 Luật HNGĐ năm 2014, Nghị quyết 35/NQ ngày 09/06/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/NQ, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc xác định thửa đất số 84, tờ bản đồ 04 có diện tích 130 m², được UBND huyện Thạch H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00323QSDD/650, ngày 25/6/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Chvà các tài sản trên đất là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Chvà bà Nguyễn Thị X

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Chđể lại bằng hiện vật với kỹ phân cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị X và anh Vũ X Th được quyền quản lý sử dụng 65m² đất có tứ cận phía Bắc giáp đường vào chợ dài 20m; phía Nam giáp với phần đất của chị Nguyễn Thị Mai H và các đồng thừa kế con ông Ch và bà Mười dài 20m; phía Đông giáp chợ dài 3,25m; phía Tây giáp đường khu dân cư dài 3,25m (có sơ đồ vị trí kèm theo ký hiệu S1).

Bà Nguyễn Thị Mai H, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Bích H, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Quốc N, chị Nguyễn Kim H (và các con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang H) được quyền quản lý sử dụng 65m² đất thừa kế với kỹ phân ngang nhau có tứ cận: Phía Bắc giáp đất bà X dài 20 m; phía Nam giáp với thửa đất số 75 mang tên ông Nguyễn X Đình dài 20m; phía Đông giáp chợ dài 3,25m; phía Tây giáp đường khu dân cư dài 3,25m. (có sơ đồ vị trí kèm theo ký hiệu S2).

Bà Nguyễn Thị X, anh Vũ X Th, bà Nguyễn Thị Mai H và các đồng thừa kế có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị X và anh Vũ X Th có nghĩa vụ dời dọn các công trình trên đất liên quan phần đất đã giao cho các đồng thừa kế.

- Buộc ông Nguyễn Quốc N phải hoàn trả lại cho anh Vũ X Th và bà Nguyễn Thị X số tiền 28.084.000đ (*Hai mươi tám triệu, không trăm tám mươi tư ngàn đồng chẵn*). Anh Vũ X Th và bà Nguyễn Thị X có quyền liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch H để được nhận lại số tiền còn lại của các đồng thừa kế khác chưa nhận cùng với lãi suất phát sinh đã gửi tiết kiệm không kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VNam chi nhánh Thạch H cho đến nay.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Mai H trả lại cho anh Vũ X Th số tiền 2.465.000đ (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn*) tiền chi phí thẩm định, định giá và đo vẽ sơ đồ đối với thửa đất tranh chấp.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị X được miễn toàn bộ án phí.

Bà Nguyễn Thị Mai H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, phải chịu 3.756.000đ án phí dân sự theo giá ngạch, nhưng được khấu trừ số tiền 1.404.225 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Mai H phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 2.351.775đ (*Hai triệu ba trăm năm mươi một ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*).

Anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Bích H, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Quốc N, chị Nguyễn Kim H (và các con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang H) mỗi suất thừa kế phải chịu 3.756.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự theo giá ngạch nhưng được khấu trừ số tiền 1.404.225 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên mỗi suất thừa kế phải chịu 2.351.775 đ (*Hai triệu ba trăm năm mươi một ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*).

Anh Vũ X Th phải chịu 3.756.000đ án phí dân sự theo giá ngạch nhưng được khấu trừ số tiền 1.404.225 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vũ X Th phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 2.351.775đ (*Hai triệu ba trăm năm mươi một ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền Trần Khắc Hoàng

Trương Thị Lệ Thu

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Thạch H
- Chi Cục THA huyện Thạch H;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu

